

Bản án số: 136/2024/HSPT

Ngày: 17/4/2024.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Kim Liên

*Các Thẩm phán:* ông Phạm Việt Cường

ông Nguyễn Tấn Long

*- Thư ký phiên tòa:* bà Đoàn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 144/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Tống Phước Hoàng H, Phan Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo Phan Minh T và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***\* Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:***

**1. Tống Phước Hoàng H** - sinh ngày 16/3/1985 tại tỉnh Gia Lai; nơi ĐKHKTT: số 17 đường N1, phường V1, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Tống Phước H6 và bà Huỳnh Thị H3; có vợ: Nguyễn Thị Ngọc Nh và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2021. Có mặt.

**2. Phan Minh T** - sinh ngày 25/6/1983 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKHKTT: số 03 đường T2, phường T3, thành phố P1, tỉnh Gia Lai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề

nghiệp: kinh doanh; con ông Phan Minh G và bà Nguyễn Thị G1; có vợ: Thạch Thị Ngọc Th1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2021. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tổng Phước Hoàng H:* ông Trương Văn B - Luật sư của Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình và ông Đặng Văn Q - Luật sư Công ty luật TNHH H1. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Minh T:* ông Nguyễn Th - Luật sư của Văn phòng Luật sư H2. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Bà Trần Thị Thuý H3 - sinh năm 1966. Địa chỉ: số 30 đường T2, phường P2, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà H3:* ông Hồ Quang M - sinh năm 1958. Địa chỉ: số 16/103 đường NL, phường Đ, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế (văn bản uỷ quyền ngày 24/02/2024). Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đức D - sinh năm 1983. Địa chỉ: số 75 đường P3, phường K1, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Phúc Vĩnh P - sinh năm 1967. Địa chỉ: số 27 đường N2, phường Đ, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hà T1 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần tập đoàn K (gọi tắt là tập đoàn K) được thành lập vào tháng 3/2020, dựa trên chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và phát triển K (gọi tắt là Công ty K), trụ sở tập đoàn K đặt tại lô A3 đường H4, phường A, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000đồng, đăng ký 32 ngành nghề kinh doanh; trong đó kinh doanh bất động sản là chủ yếu. Sau khi chuyển đổi cổ đông Công ty K đã bầu và thay đổi các chức danh lãnh đạo của Công ty: Tổng Phước Hoàng H làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Phan Minh T làm Tổng Giám đốc; những cổ đông còn lại là thành viên Hội đồng quản trị.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2021, Tổng Phước Hoàng H - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phan Minh T - Tổng Giám đốc, Nguyễn Hà T1 - Nhân viên, lấy danh nghĩa Công ty TNHH đầu tư và phát triển K, đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật rồi bán nhiều lô đất không

thuộc quyền sử dụng của Công ty K, chiếm đoạt tiền của người mua đất. Ngoài ra, H còn đưa ra thông tin giả mạo về tỉ lệ được thu tiền đặt cọc khi môi giới bán các căn hộ cho Công ty IH để thu tiền của người mua sau đó chiếm đoạt, cụ thể như sau:

1/ Các vụ bán đất xảy ra tại huyện Q1:

Ngày 13/01/2021, Tổng Phước Hoàng H6 là Trưởng phòng khai thác Công ty K, báo cáo cho Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T biết việc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế có tổ chức bán đấu giá các lô đất tại Khu dân cư V3, thị trấn S, huyện Q1, tỉnh Thừa Thiên Huế. H quyết định tham gia đấu giá nhằm mục đích bán kiếm lời. Ngày 12/01/2021, Phan Minh T ký giấy ủy quyền cho Nguyễn Hà T1 (nhân viên Công ty) tham gia đấu giá đất tại huyện Q1 theo chỉ đạo của H.

Ngày 14/01/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Q1 tổ chức bán đấu giá. Nguyễn Hà T1 đấu giá trúng 03 lô đất ký hiệu 312, 314, 315 tại Khu dân cư V3, thị trấn S, huyện Q1. Ngày 25/01/2021, UBND huyện Q1 phê duyệt kết quả đấu giá đất số 202/QĐ-UBND xác định Nguyễn Hà T1 là người trúng đấu giá 03 lô đất trên. Tổng Phước Hoàng H ký phê duyệt cho các phòng liên quan của Công ty K đăng thông tin bán các lô đất này trên mạng xã hội và giao cho nhân viên môi giới tìm khách hàng.

Ngày 24/02/2021, hết thời hạn nộp tiền vào ngân sách Nhà nước nhưng Công ty K không có tiền nộp nên UBND huyện Q1 ra Quyết định số 502/QĐ-UBND hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối các lô đất 312, 314, 315. T đã báo cho H biết nhưng H vẫn chỉ đạo T tiếp tục đưa thông tin Công ty K trúng đấu giá 03 lô đất này, kèm theo Quyết định số 202/QĐ - UBND ngày 25/01/2021 của UBND huyện Q1 phê duyệt kết quả trúng đấu giá để nhân viên môi giới tiếp thị bán ra thị trường.

Với phương thức thủ đoạn như trên, từ ngày 25/02/2021 đến ngày 17/3/2021, các bị cáo giới thiệu với ông Trương Việt H7 lô đất ký hiệu số 315. Ông Hoàng đã đến Công ty K ký giấy thỏa thuận đăng ký mua lô đất trên với Nguyễn Hà T1, giá 775.500.000đồng. Ông Hoàng chuyển vào tài khoản Công ty K số tiền cọc 100.000.000đồng và ngày 05/3/2021 chuyển khoản số tiền 636.725.000đồng nhưng Công ty K không thực hiện thủ tục chuyển nhượng. Sau nhiều lần đến đòi tiền thì ngày 30/7/2021, Công ty K trả lại số tiền 130.000.000đồng, số tiền còn lại không trả nên ông H7 làm đơn tố cáo, các bị cáo đã trả số tiền còn lại cho ông H7. Các bị cáo tiếp tục chuyển nhượng cho bà Phan Nhật Ph lô đất ký hiệu số 314 với giá 780.300.000đồng, bà Ph đã chuyển vào tài khoản Công ty K 02 lần, tổng cộng 741.285.000đồng (tương đương 95% giá trị lô đất) nhưng Công ty K không thực hiện được việc công chứng chuyển nhượng, không trả lại tiền nên bà Ph làm đơn tố cáo. Trong quá trình Cơ quan

điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết tin báo thì các bị cáo mới trả lại toàn bộ số tiền trên cho bà Ph. Các bị cáo chuyển nhượng lô đất ký hiệu số 312 cho bà Văn Thị M với giá 1.017.500.000đồng, bà M chuyển vào tài khoản Công ty K số tiền cọc 100.000.000đồng, Nguyễn Hà T1 đến nhà bà M lấy 866.625.000đồng, viết phiếu thu của Công ty K nhưng Công ty K không thực hiện được việc công chứng chuyển nhượng. H và T trả 02 lần với số tiền 600.000.000đồng. Còn lại 366.625.000đồng không trả nên bà M làm đơn tố cáo. Trong quá trình Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết tin báo thì H và T trả toàn bộ số tiền còn lại cho bà M.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của 03 bị hại là 2.444.635.000đồng, trong đó: Tổng Phước Hoàng H chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000đồng tiêu xài cá nhân, Nguyễn Hà T1 chiếm đoạt 66.625.000đồng tiêu xài cá nhân; còn lại 1.378.000.000đồng, H và T chi hoạt động nội bộ và trả các khoản nợ của Công ty K.

2/ Các vụ bán đất xảy ra tại số 67 đường V4, thành phố H5:

Ông Trương Đình H là người có 23 lô đất tại số 67 đường V4, thành phố H5, tỉnh Thừa Thiên Huế, đang thế chấp để vay số tiền 20.000.000.000đồng của Ngân hàng Viettinbank - chi nhánh Quảng Bình.

Ngày 15/11/2019, Phan Minh T là Giám đốc Công ty K - Quảng Bình ký với ông Trương Đình H hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các lô đất này, giá trị là 37.307.200.000đồng (Hợp đồng số 01/2019/HĐĐC). Theo thỏa thuận sau khi ký hợp đồng, Công ty K Quảng Bình đặt cọc cho ông Trương Đình H số tiền 1.865.360.000đồng (tương đương 05%) giá trị của hợp đồng và thống nhất phương thức thanh toán là Công ty K - Quảng Bình trả tiền cho ông Trương Đình H số tiền còn lại trong 06 đợt, mỗi đợt cách nhau 30 ngày. Khi trả đủ 95% tổng giá trị lô đất thì ông Trương Đình H ký hợp đồng công chứng chuyển nhượng cho người mua và nhận thêm 05% tổng số tiền theo giá trị còn lại của lô đất bán ra.

Sau khi ký hợp đồng, do Công ty K - Quảng Bình không có tiền trả cho ông Trương Đình H theo thỏa thuận và ông Trương Đình H đề nghị hủy hợp đồng. Tổng Phước Hoàng H đã giới thiệu cho ông Trương Đình H vay của ông Cao Minh T4 số tiền 20.000.000.000đồng trả cho Ngân hàng Viettinbank - chi nhánh Quảng Bình để nhận lại 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp. Sau khi ông Trương Đình H vay được tiền, trả hết nợ và lấy 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, Phan Minh T và Tổng Phước Hoàng H yêu cầu ông Trương Đình H ký hợp đồng thỏa thuận thế chấp 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này làm tài sản bảo đảm cho Công ty TNHH MTV K1 - Quảng Bình (do bà Nguyễn Thị Ngọc Nh - vợ của Tổng Phước Hoàng H làm Giám đốc) và Công ty TNHH I1 Quảng Bình (do Phan Minh T làm Giám đốc) vay

21.900.000.000đồng tại Ngân hàng Viettinbank - Quảng Bình. Số tiền này dùng để trả gốc và lãi cho khoản vay của ông Trương Đình H với ông Cao Minh T4 và các bên thống nhất số tiền này là lần thanh toán đợt 1 đối với cả 23 lô đất theo giá trị từng lô được ghi nhận ở Hợp đồng số 01.

Mặc dù ông Trương Đình H chỉ giao dịch chuyển nhượng 23 lô đất tại số 67 đường V4, thành phố H5 cho Công ty K - Quảng Bình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 23 lô đất đang thế chấp tại Ngân hàng Viettinbank - Quảng Bình nhưng sau khi được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty K Huế (ngày 25/3/2020), Tổng Phước Hoàng H đã chỉ đạo nhân viên Công ty quảng cáo các lô đất nêu trên là: “Dự án đường V4 compound do Công ty K - Huế làm chủ đầu tư” để chuyển nhượng cho khách hàng.

Ngày 17/8/2020, ông Trương Đình H lập giấy ủy quyền với nội dung: “Cho phép Phan Minh T làm thủ tục nộp hồ sơ và nhận kết quả xóa đăng ký thế chấp để nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại số 67 đường V4, thành phố H5” nhằm mục đích để Phan Minh T trả số tiền đã vay cho Ngân hàng Viettinbank - Quảng Bình, đồng thời làm cơ sở để Phan Minh T thống nhất phương thức giao dịch đối với các lô đất sau khi thanh toán đợt 1 bằng khoản tiền vay Ngân hàng Viettinbank - Quảng Bình nêu trên. Như vậy, khi có khách hàng mua lô đất nào thì Công ty cổ phần K phải trả khoản vay mà lô đất đó là tài sản thế chấp để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra khỏi Ngân hàng. Sau đó, phải trả lại cho ông Trương Đình H số tiền còn lại của lô đất (sau khi trừ đi phần thanh toán đợt 1). Khi nhận đủ tiền theo giá trị lô đất thì người mua cùng ông Trương Đình H tiến hành ra công chứng và làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Mặc dù đã ký thỏa thuận với ông Trương Đình H về thủ tục, các bước tiến hành khi mua bán, thu tiền 23 lô đất tại số 67 đường V4, thành phố H5 nhưng sau đó, Tổng Phước Hoàng H vẫn ký văn bản tại các cuộc họp để chỉ đạo cho Phan Minh T lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa Công ty K với người mua đất, trong đó có nội dung: “Ông Trương Đình H là chủ sở hữu các lô đất tại số 67 đường V4, thành phố H5 đã ủy quyền cho Công ty K - Huế do Phan Minh T làm Tổng Giám đốc nhận tiền mua đất của khách hàng” mà không có sự đồng ý của ông Trương Đình H để thu tiền của khách hàng.

Thông qua các hợp đồng chuyển nhượng này, từ ngày 06/8 đến ngày 17/11/2020, Phan Minh T đã ký hợp đồng bán 23 lô đất nêu trên. Trong đó, Công ty cổ phần K đã nhận tiền của người mua, giải chấp tại ngân hàng, trả tiền cho ông Trương Đình H số tiền còn lại của lô đất (sau khi đã trừ phần thanh toán đợt 1) và ông H cùng người mua đã làm xong thủ tục sang tên, chuyển quyền sử dụng đất 11 lô với tổng giá trị là 19.421.700.000đồng. Công ty cổ phần K đã trả

phần giá trị còn lại của 11 lô đất này cho ông Trương Đình H là 8.354.200.000đồng. Như vậy, tổng số tiền mà ông H nhận được là 20.000.000.000đồng + 8.354.200.000đồng = 28.354.200.000đồng.

Các lô đất còn lại Phan Minh T và Tống Phước Hoàng H đã lập hợp đồng chuyển nhượng và thu của 13 khách hàng số tiền 17.877.690.000đồng nhưng không trả cho ông Trương Đình H và Ngân hàng Viettinbank - Quảng Bình mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân, cụ thể của các khách hàng:

A. Nhóm bị hại đã chuyển tiền mua đất vào Công ty K với số tiền là 15.925.790.000đồng nhưng Tống Phước Hoàng H và Phan Minh T không trả tiền cho ông Trương Đình H và Ngân hàng Viettinbank - chi nhánh Quảng Bình để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký công chứng chuyển nhượng, gồm:

- Ông Nguyễn Phúc Vĩnh P mua lô B2, thửa 197 (38-9) thuộc tờ bản đồ số 25 tại địa chỉ 67 đường V4 với số tiền 1.850.000.000đồng, đã nộp đủ;

- Bà Trần Thị Thúy H3 mua lô B5, thửa 214 (198-14), thuộc tờ bản đồ số 25 với số tiền 1.900.000.000đồng, đã nộp đủ;

- Ông Nguyễn Đức D mua lô B18, thửa 203 (198-3), thuộc tờ bản đồ số 25 với số tiền 1.900.000.000đồng, đã nộp đủ.

Ngoài ra, H và T còn chiếm đoạt tiền của ông Trịnh Hoàng Thông Nh1, bà Nguyễn Thị Thúy H8, bà Hồng Bích Ng, bà Phan Thị Thụy Th, bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Trần Hữu Th, bà Hoàng Thị Thu H8.

B. Nhóm 03 bị hại đã chuyển tiền mua đất nhưng Công ty K chỉ trả tiền cho Ngân hàng Viettinbank - chi nhánh Quảng Bình để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không trả số tiền còn lại cho ông Trương Đình H với số tiền là 1.957.900.000đồng nên ông H không ký công chứng chuyển nhượng, gồm: ông Lê H6, bà Nguyễn Thị Phương Th, bà Tôn Nữ Nhật Ph.

Như vậy, tổng số tiền 17.877.690.000đồng chiếm đoạt được các bị cáo sử dụng như sau: Tống Phước Hoàng H chiếm đoạt sử dụng cá nhân số tiền 9.011.500.000đồng; Phan Minh T chiếm đoạt sử dụng cá nhân số tiền 3.680.866.350đồng, còn lại 4.877.690.000đồng chi hoạt động nội bộ quản lý doanh nghiệp, trả lương nhân viên, quảng cáo và các hoạt động khác.

### 3/ Chiếm đoạt tài sản của ông Trần Hoài A1:

Ngày 09/02/2021, Công ty IH do ông Nguyễn Hồng P4 - Giám đốc ký hợp đồng số 01/2021/HĐMG/IMGH- KTG với Công ty cổ phần K - Huế, nội dung cho phép Công ty cổ phần K tiếp thị và cung cấp thông tin cho khách hàng có dự định mua các căn Shophouse tại Khu đô thị A3 do Công ty IH làm chủ đầu tư. Trong hợp đồng cũng nêu rõ, Công ty IH ủy quyền cho Công ty K được thu hộ

khoản tiền đặt cọc đối với một căn Shophouse tại Khu đô thị A3 của một khách hàng là 100.000.000đồng và phải nộp lại cho Công ty IH trong hai ngày làm việc. Tổng Phước Hoàng H đã đưa ra thông tin là: “Công ty IH cho phép Công ty K thu tiền đặt cọc tương ứng với 30% giá trị của căn nhà”. Tin các thông tin này là thật nên ông Trần Hoài A1 đã trực tiếp ký Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng số 14/2021/HĐNTCN/KTG-THA” để mua căn Shophouse ký hiệu OHS2-1 thuộc Dự án KĐT A3 với giá trị 11.900.000.000đồng. Ngày 02/4/2021, ông A1 chuyển cho Phan Minh T số tiền 3.570.000.000đồng nhưng các bị cáo không chuyển cho Công ty IH mà sử dụng cá nhân và chi các hoạt động khác của Công ty cổ phần K.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm 08/2024/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:***

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phan Minh T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ các Điều 584; 585 và 587 của Bộ luật Dân sự; tuyên xử: buộc Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T phải liên đới bồi thường cho các người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Phúc Vĩnh P số tiền 1.850.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.295.000.000đồng, bị cáo T phải bồi thường 555.000.000đồng.

- Bồi thường cho bà Trần Thị Thúy H3 số tiền 1.900.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.330.000.000đồng, bị cáo T phải bồi thường 570.000.000đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Đức D số tiền 1.900.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.330.000.000đồng, bị cáo T phải bồi thường 570.000.000đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Tổng Phước Hoàng H, Nguyễn Hà T1, quyết định về trách nhiệm dân sự đối với các bị hại khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2024, bị hại bà Trần Thị Thúy H3 kháng cáo yêu cầu Tòa án điều tra lời khai của Tổng Phước Hoàng H về 28 lô đất tại thị xã HT và kê biên những lô đất này để khắc phục hậu quả cho bị hại.

Ngày 30/01/2024, bị cáo Phan Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng án sơ thẩm xử nặng.

Ngày 01/02/2024, bị hại ông Nguyễn Phúc Vĩnh P kháng cáo cho rằng ông đã thanh toán đủ cho Công ty cổ phần tập đoàn K để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trương Đình H thửa số 197, gia đình ông đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2020 đến nay nhưng án sơ thẩm tuyên các bị cáo trả tiền lại cho ông là không đảm bảo quyền lợi cho ông. Ông yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn K và ông Trương Đình H phải có trách nhiệm lập thủ tục chuyển nhượng đất cho ông.

Ngày 01/02/2024, bị hại ông Nguyễn Đức D kháng cáo cho rằng ông đã thanh toán đủ cho Công ty cổ phần tập đoàn K để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trương Đình H thửa số 203, gia đình ông đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2020 đến nay nhưng án sơ thẩm tuyên các bị cáo trả tiền lại cho ông là không đảm bảo quyền lợi cho ông. Ông yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn K và ông Trương Đình H phải có trách nhiệm lập thủ tục chuyển nhượng đất cho ông.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Phan Minh T, bị hại ông Nguyễn Phúc Vĩnh P, ông Nguyễn Đức D và bà Trần Thị Thuý H3 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T và kháng cáo của các bị hại ông Nguyễn Phúc Vĩnh P, ông Nguyễn Đức D, bà Trần Thị Thuý H3, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của TAND tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Luật sư Nguyễn Th bào chữa cho bị cáo Phan Minh T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T, giảm cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo T là người làm công ăn lương, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Tổng Phước Hoàng H, là lao động chính trong gia đình. Đồng thời đề nghị HĐXX xem xét 28 lô đất của bị cáo H tại thị xã HT.

- Luật sư Trương Văn B bào chữa cho bị cáo Tổng Phước Hoàng H trình bày: thống nhất với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về phần dân sự sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có. Bị cáo H tiếp tục khắc phục phần bồi thường dân sự bằng những tài sản bị cáo có để trả cho bị hại. Đề nghị HĐXX xem xét việc không khởi tố ông Trương Đình H.

- Luật sư Đặng Văn Q thống nhất với lời bào chữa của Luật sư Trương Văn B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:



[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ ngày 25/02/2021 đến ngày 27/3/2021, mặc dù bị hủy kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối các lô đất 312, 314, 315 tại khu dân cư V3, thị trấn S nhưng Tổng Phước Hoàng H, Phan Minh T và Nguyễn Hà T1 đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật, bán 03 lô đất không thuộc quyền sử dụng của mình tại huyện Q1, làm cho ông Trương Việt H7, bà Phan Nhật Ph và bà Văn Thị M tin tưởng chuyển tiền, chiếm đoạt tổng cộng 2.444.635.000đồng. Từ tháng 7/2020 đến tháng 11/2020, Tổng Phước Hoàng H, Phan Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối nói rằng 23 lô đất của ông Trương Đình H là “Dự án đường V4 compound do Công ty K - Huế làm chủ đầu tư” và ông Trương Đình H là chủ sở hữu các lô đất tại số 67 đường V4, thành phố H5 đã uỷ quyền cho Công ty K - Huế chuyển nhượng, nhận tiền của khách hàng; nhưng trên thực tế là không có sự đồng ý của ông Trương Đình H. Các bị cáo H, T đã chuyển nhượng các lô đất không thuộc quyền sử dụng của mình tại số 67 đường V4, phường Kim Long, thành phố H5, chiếm đoạt của 13 bị hại với tổng số tiền 17.877.690.000đồng, trong đó có ông Nguyễn Phúc Vĩnh P, bà Trần Thị Thuý H3 và ông Nguyễn Đức D. Ngoài ra, H và T còn chiếm đoạt của ông Trần Hoài A1 số tiền 3.570.000.000đồng mua căn hộ tại dự án Shophouse khu đô thị A3, thành phố H5. Xét án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Tổng Phước Hoàng H, Phan Minh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Minh T với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Tổng Phước Hoàng H, Phan Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại số tiền tổng cộng 23.892.325.000đồng, trong đó: bị cáo T chi tiêu cá nhân số tiền 4.210.866.350đồng và cùng bị cáo Tổng Phước Hoàng H chi tiền cho hoạt động của Công ty K nên phạm vào điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là Tổng Giám đốc Công ty K, có vai trò quyết định các hoạt động của Công ty, là người giúp sức và thực hành tích cực cùng với bị cáo H nhiều lần thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền của các bị hại, hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đồng thời đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 15 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T cũng như lời bào chữa của Luật

sur Nguyễn Th, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị hại bà Trần Thị Thuý H3 với nội dung yêu cầu Toà án điều tra lời khai của Tổng Phước Hoàng H về 28 lô đất tại thị xã HT và kê biên những lô đất này để khắc phục hậu quả cho bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng: bà H3 bị chiếm đoạt số tiền 1.900.000.000đồng, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T phải liên đới bồi thường cho bà H3 số tiền nói trên (trong đó: bị cáo H bồi thường 1.330.000.000đồng, bị cáo T bồi thường 570.000.000đồng). Nội dung kháng cáo về việc điều tra và kê biên 28 lô đất không thuộc phạm vi giải quyết của Toà án cấp phúc thẩm nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà H3 cũng như đề nghị của Luật sư Nguyễn Th. Nếu nội dung này có căn cứ thì bà H3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xem xét giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[4] Xét kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Phúc Vĩnh P và ông Nguyễn Đức D cùng nội dung: các ông đã thanh toán đủ cho Công ty cổ phần tập đoàn K để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trương Đình H thửa đất số 197 và thửa đất số 203, gia đình các ông đã xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2020 đến nay nhưng án sơ thẩm tuyên các bị cáo trả tiền lại cho các ông là không đảm bảo quyền lợi cho các ông nên các ông yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn K và ông Trương Đình H phải có trách nhiệm lập thủ tục chuyển nhượng thửa đất nói trên cho các ông; Hội đồng xét xử thấy: các thửa đất số 197 và 203 không phải của Công ty K mà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Trương Đình H. Sau khi ký thoả thuận với ông Trương Đình H về thủ tục, các bước tiến hành mua bán, thu tiền 23 lô đất tại 67 đường V4 cũng như thanh toán đợt 1 cho ông H thì đổi với 12 lô đất còn lại, các bị cáo đã lập hợp đồng chuyển nhượng và thu của 13 khách hàng số tiền 17.877.690.000đồng nhưng không trả cho ông H và ngân hàng như thoả thuận mà đã chiếm đoạt số tiền này. Việc bị hại ông P và ông D đã chuyển tiền mua đất vào Công ty K là do Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T lừa dối, mạo nhận là thay mặt ông Trương Đình H chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhận tiền trả cho ông Trương Đình H và ngân hàng nhưng thực chất các bị cáo chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Do các bị cáo không trả tiền cho ông Trương Đình H nên ông H không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng. Như vậy, ông H không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, quan hệ giao nhận tiền giữa ông H với các bị cáo là mối quan hệ dân sự khác. Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo Tổng Phước Hoàng H, Phan Minh T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại là đúng quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Phúc Vĩnh P và ông Nguyễn Đức D cũng như đề nghị của Luật sư Trương Văn B không có cơ sở chấp nhận.

[5] Do nội dung kháng cáo của bị cáo Phan Minh T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Minh T và kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Phúc Vĩnh P, ông Nguyễn Đức D, bà Trần Thị Thuý H3; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2024/HS-ST ngày 19/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phan Minh T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/10/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 584; 585 và 587 của Bộ luật Dân sự; tuyên xử: buộc Tổng Phước Hoàng H và Phan Minh T phải liên đới bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Phúc Vĩnh P số tiền 1.850.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.295.000.000đồng, bị cáo T phải bồi thường 555.000.000đồng.

- Bồi thường cho bà Trần Thị Thuý H3 số tiền 1.900.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.330.000.000đồng, bị cáo T phải bồi thường 570.000.000đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Đức D số tiền 1.900.000.000đồng, trong đó: bị cáo H bồi thường 1.330.000.000đồng, bị cáo T bồi thường 570.000.000đồng.

3. Về án phí: bị cáo Phan Minh T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo, bị hại, Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Kim Liên**